

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng: 3 (Đợt 2)

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 23 – 24/3/2022

Ngày cung cấp TT: 25/3/2022

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Cổng Như Trác	Cổng đóng
2	2	Cổng Hữu Bị	Cổng đóng
3	3	Cổng Cốc Thành	Cổng mở
4	4	Cổng sông Chanh	Cổng đóng
5	5	Cổng Nhâm Tràng	Cổng đóng
6	6	Cổng Kinh Thanh	Cổng mở
7	7	Cổng Cỏ Đam	Cổng đóng
8	8	Cổng Vĩnh Trị	Cổng mở hé
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng
10	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Cổng đóng
11	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: Cống Như Trác.

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: Đập La Chợ,

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Cống Cốc Thành, Cống Nhâm Trảng, Cống Kinh Thanh, Cống Cổ Đàm, Cống Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập Vùa (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Đầu kênh S48, Cống Hữu Bị, Cầu Chủ (sông Châu Giang).**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên: **Cống Sông Chanh .**

Tiếp tục thực hiện mở các cống khi mực nước ngoài sông cao tăng cường khả năng thau rửa hệ thống và tích nước phục vụ sản xuất đặc biệt trên sông Châu Giang.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		0.3	2			
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		0.3	5			
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		0.9	10			
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		0.9	15			
1	Cống Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, t° = 19°C, độ ẩm 100%, gió Đông 14 km/h, mật độ mây 100%. Cống mở tiêu nước ra sông, TB không hoạt động. Nước màu vàng	7.78	35.1	6.01	0.2	0.194	1.487	317	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9	15		
			lục.								phép A1
2	Cổng Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Đông Nam 15 km/h, mật độ mây 100%. Cổng mở, dòng chảy nhanh tiêu nước ra sông, TB không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.76	20.8	3.86	0.3	0.567	1.645	449	Giá trị oxi hòa tan thấp hơn giới hạn cho phép B1
3	Cổng Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Đông Nam 15 km/h, mật độ mây 100%. Cổng mở, dòng chảy chậm tiêu nước ra sông Đào, TB không hoạt động. Nước màu vàng lục.	7.78	44.9	4.46	0.4	0.365	1.940	518	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
4	Cổng Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Bắc 16 km/h, mật độ mây 100%. Cổng mở, dòng chảy chậm tiêu nước ra sông. Nước màu vàng lục.	7.76	29.3	4.97	0.4	1.018	2.016	563	Giá trị amoni hòa tan cao hơn giới hạn cho phép B2
5	Cổng Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Bắc 13 km/h, mật độ mây 100%. Cổng đóng, không có	8.27	14.5	4.45	0.4	0.707	2.086	524	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		0.3	2			
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		0.3	5			
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		0.9	10			
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		0.9	15			
		và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	dòng chảy, TB không hoạt động, mực nước nội đồng cao hơn. Nước màu xanh lục.							trong giới hạn cho phép B1	
6	Cổng Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Bắc 13 km/h, mật độ mây 100%. Cổng đóng, không có dòng chảy, TB không hoạt động, mực nước nội đồng cao hơn. Nước màu xanh lục, thượng lưu cổng nhiều bèo.	8.07	10.4	7.09	0.3	0.559	2.030	468	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
7	Cổng Cổ Đàm	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đàm, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Bắc 13 km/h, mật độ mây 100%. Cổng đóng, không có dòng chảy, TB không hoạt động, mực nước nội đồng cao hơn. Nước màu xanh lục.	7.96	12.6	4.66	0.4	0.816	1.607	515	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
8	Cổng Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Bắc 15 km/h, mật độ mây 100%. Cổng đóng, không có dòng chảy, TB không	8.45	11.8	4.23	0.3	0.319	1.861	465	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9	15		
			hoạt động, mực nước nội đồng cao hơn. Nước màu vàng lục. Thượng lưu cống nhiều bèo.								phép B1
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Đông Nam 15 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm hướng về Cốc Thành, nước màu xanh lục.	7.69	41.3	4.51	0.4	0.350	1.787	512	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Bắc 16 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm về hướng sông Chanh, nước màu xanh lục.	8.21	21.6	4.92	3.7	0.715	4.185	4285	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Bắc 15 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm về hướng Vĩnh Trị, mực nước trung bình, trên sông nhiều bèo. Nước màu xanh lục.	8.32	12.6	4.18	0.3	0.357	1.834	451	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
12	Đập An Bài (sông	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu	Trời âm u, t° = 19°C, độ ẩm 100%, gió Đông 15 km/h, mật độ	7.44	11.2	4.56	0.3	0.350	1.454	481	Giá trị các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5		6		0.3	2			
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5		5		0.3	5			
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9		4		0.9	10			
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9		2		0.9	15			
	Châu Giang)	kết hợp cho Huyện Bình Lục.	mây 100%. Không có dòng chảy, đập đóng. Mực nước sông Châu Giang thấp hơn sông Sắt. Nước màu vàng lục.							hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1	
13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục và Huyện thanh Liêm.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió B 14 km/h, mật độ mây 100%. Cổng đóng, không có dòng chảy, TB không hoạt động, mực nước nội đồng cao hơn. Nước màu vàng lục.	7.86	13.1	5.31	0.4	0.443	2.142	563	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
14	Đập La Chờ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Đông Nam 15 km/h, mật độ mây 100%. Nước đứng, không có dòng chảy. Nước màu vàng lục.	7.84	36.2	5.64	0.3	0.225	1.638	408	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép A2
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Bắc 15 km/h, mật độ mây 100%. Nước đứng, không có dòng chảy. Nước màu xanh xám. Trên kênh nhiều rác thải sinh hoạt và bèo.	7.7	12.5	3.21	0.4	1.220	1.973	602	Giá trị chỉ tiêu oxi hòa tan thấp hơn giới hạn cho phép B1, Amoni cao hơn giới hạn B2

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9	15		
16	Đập Vù (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời âm u, t° = 19°C, độ ẩm 100%, gió Đông 14 km/h, mật độ mây 100%. Đập đóng, không có dòng chảy. Nước màu vàng lục.	7.46	25.1	4.67	0.3	0.629	1.442	429	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời âm u, t° = 19°C, độ ẩm 100%, gió Đông 14 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm về hướng Hữu Bị, hai bên bờ sông có rác thải, nước màu xanh lục.	7.78	20.7	3.78	0.3	0.591	1.661	452	Giá trị chỉ tiêu oxi hòa tan thấp hơn giới hạn cho phép B1
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Bắc 13 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm về hướng Cổ Đàm, trên kênh có bèo trôi, nước màu xanh lục.	7.87	18.6	4.72	0.3	0.629	1.964	487	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Bắc 16 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm về hướng sông Chanh, nhận nước thải khu công nghiệp Bảo Minh. Nước màu xanh	8.38	26.7	4.87	3.8	0.707	4.725	4470	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1			6 – 8.5			6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2			6 – 8.5			5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1			5.5 – 9			4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2			5.5 – 9			2		0.9	15		
			lục.								
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời âm u, t° = 21°C, độ ẩm 100%, gió Bắc 15 km/h, mật độ mây 100%. Nước đứng, không có dòng chảy. Nước màu nâu đục.	8.26	58.2	4.93	0.4	0.629	219.600	543	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường nằm trong giới hạn cho phép B1

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

ĐƠN VỊ QUAN TRẮC